

DOANH NGHIỆP TRONG SUY THOÁI CỦA NỀN KINH TẾ - GIẢI PHÁP HỖ TRỢ

TS. Hồ Sỹ Hùng

Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Cục Phát triển doanh nghiệp

Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu từ cuối 2007, kéo dài trong suốt năm 2008 và tiếp tục theo chiều hướng xấu trong 2009-2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế, trong đó, bị ảnh hưởng nặng nề nhất là khu vực doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, những khó khăn vốn có của các doanh nghiệp Việt Nam càng trở nên trầm trọng hơn, như khả năng tiếp cận thị trường, tiếp cận đất đai, tiếp cận và sử dụng vốn, thiếu hụt năng lực quản trị, giải ngân FDI,...

Nhằm giúp các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, ổn định phát triển, Chính phủ đã có nhiều chính sách hỗ trợ. Tuy nhiên, quá trình triển khai chưa đồng bộ, thiếu cụ thể nên nhiều doanh nghiệp chưa nhận được sự trợ giúp thiết thực này. Bài viết đã nêu ra các giải pháp khung cần tiếp tục thực hiện, đi sâu đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm tháo gỡ các ách tắc hiện tại, như: sửa đổi các văn bản pháp luật giúp doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường được thuận lợi, hợp pháp, hợp lý, qua đó lành mạnh hóa môi trường kinh doanh; ổn định thị trường tài chính, tiền tệ nhằm tạo nguồn vốn rẻ; hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp; quản lý giá cả đầu vào và xúc tiến thương mại mở rộng thị trường; kiện toàn hệ thống cơ quan thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) từ trung ương tới các địa phương.

Từ khóa: doanh nghiệp, suy thoái, hỗ trợ doanh nghiệp

1. Bối cảnh kinh tế

Trong những năm qua, Chính phủ đã có những điều chỉnh chính sách nhằm ứng phó với những biến động của kinh tế thế giới, từ thắt chặt tài khóa và tiền tệ để kiềm chế lạm phát trong năm 2008, sang kích cầu đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng vào năm 2009 và thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ chặt chẽ, linh hoạt để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý trong năm 2010-2011. Năm 2011 là một năm đầy khó khăn với nền kinh tế và các doanh nghiệp Việt Nam, nhưng cũng đã thể hiện được những tín hiệu vĩ mô tích cực, mở ra kỳ vọng sáng sủa hơn cho năm 2012. Nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng GDP đạt thấp hơn so với kế hoạch đưa ra đầu năm và so với năm 2010, nhưng tốc độ tăng trưởng lại theo xu thế tăng dần lên trong cả năm (quý 1 là 5,4%, quý 2 là 5,7%, quý 3 là 6,1%). Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2011 đã đạt được mức 5,89%. Trong điều kiện tình hình sản xuất rất khó khăn, cả nước tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thì mức tăng trưởng trên là khá cao và hợp lý.

- Trong năm 2010, áp lực lạm phát gia tăng gây bất ổn trong nền kinh tế. Lãi suất duy trì ở mức rất cao gây trở ngại cho hoạt động của doanh nghiệp.

Mặc dù chỉ số CPI so với cùng kỳ năm trước vẫn cao, đứng ở mức 18,58%, song rõ ràng đang giảm dần. Lạm phát tháng 11 đã giảm xuống 0,39%, từ mức trung bình 1,6% của mười tháng đầu năm 2011, sau khi lên mức cao đến 2,6% vào tháng 5/2011. Ba tháng đầu năm 2012, dự kiến CPI chỉ ở mức 2,9%, đây là mức tăng thấp so với thời gian tương ứng trong những năm gần đây.

- Giá cả hàng hóa giúp cho kim ngạch xuất khẩu tăng 25,5% năm 2010 và 33,3% năm 2011, cho dù chỉ tăng nhẹ về số lượng xuất khẩu do suy giảm kinh tế toàn cầu. Lượng xuất khẩu của Việt Nam được duy trì khá tốt vì những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam thường có cầu ít co dãn. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bị giới hạn với việc ban hành danh mục các mặt hàng không khuyến khích nhập khẩu trong khuôn khổ gói chính sách bình ổn.

- Thâm hụt tài khoản vãng lai đã giảm trong ba năm vừa qua, từ 12% GDP xuống ước khoảng 3,8% GDP trong năm 2011. Mức thâm hụt này giảm xuống một phần là nhờ dòng kiều hối mạnh, cải thiện thâm hụt thương mại và được bù đắp bằng luồng vốn ròng tăng lên, chủ yếu dưới hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài và hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký đã giảm đáng kể trong năm 2011 (giảm gần 22% trong

mười tháng đầu năm 2011 so với cùng kỳ năm ngoái), song vốn giải ngân không bị giảm nhiều kể từ khi khủng hoảng toàn cầu bắt đầu lan rộng. Một dấu hiệu tích cực nữa là các nhà đầu tư nước ngoài đang chuyển từ khu vực bất động sản mang tính đầu cơ cao sang khu vực sản xuất, điều này có thể giúp gia tăng việc làm và sản xuất một cách ổn định.

Bên cạnh những kết quả tích cực, kinh tế nước ta còn nhiều khó khăn, thách thức do tác động của những vấn đề kinh tế trong nước và quốc tế. Các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc; cán cân thanh toán tổng thể tuy đã được cải thiện nhưng vẫn thâm hụt, lãi suất cho vay ở mức rất cao. Nguy cơ bất ổn trên thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái vẫn tiếp tục gây ra những khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu. Đồng nội tệ không ổn định cũng có ảnh hưởng đến lạm phát trong nước do giá hàng nhập khẩu tăng mạnh. Thị trường chứng khoán 2011 liên tiếp bất đáy. Đến ngày 27/12/2011, VN-Index mất mốc 350 điểm, HNX-Index xuống 56 điểm, với nhiều cổ phiếu “rẻ hơn giá mua một mớ rau”, điển hình như mã VKP (Công ty cổ phần Nhựa Tân Hoá) là cổ phiếu đầu tiên có giá dưới 1.000 đồng trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam. Chốt phiên giao dịch 22/11, cổ phiếu này chỉ còn 700 đồng. Cũng trong năm 2011, có 65 công ty chứng khoán thua lỗ và 71 công ty chứng khoán lỗ lũy kế. Giá trị vốn hóa thị trường chỉ còn hơn 20% GDP. Thị trường chứng khoán trầm lắng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc huy động vốn.

2. Những khó khăn của doanh nghiệp

Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ cuối năm 2007, kéo dài trong suốt năm 2008 và tiếp tục diễn biến theo chiều hướng xấu trong những năm 2009-2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế, trong đó, bị ảnh hưởng nặng nề nhất là khu vực doanh nghiệp. Trong 9 tháng đầu năm 2011 đã có 48.704 doanh nghiệp giải thể, trong đó có hơn 5.800 doanh nghiệp đã tuyên bố chính thức, 11.421 doanh nghiệp đã ngừng hoạt động và 31.477 doanh nghiệp đã dừng nộp thuế. 60% DNNVV đang hoạt động giảm doanh số, phải cắt giảm lao động; số còn lại hoạt động rất khó khăn. Đến tháng 08/2011, lượng việc và thu nhập của lao động tại các làng nghề truyền thống giảm 60- 70%; doanh thu của các doanh nghiệp làng nghề xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ phía Nam đã giảm 50%; nhiều xưởng nghề của doanh nghiệp phía Bắc cũng đã nghỉ khoảng 3/8 tháng đầu năm để tránh lượng hàng tồn kho đang quá cao. Theo Hiệp hội DNNVV Việt Nam, lạm phát hiện nay đang làm các doanh nghiệp không kiểm soát được chi phí, mất thị trường và không đủ vốn để duy trì sản xuất:

khoảng 20% doanh nghiệp khó có thể tiếp tục hoạt động; ngoài nhóm này, 60% thành viên Hiệp hội đang chịu tác động của khó khăn kinh tế, sản xuất sút kém; 20% còn lại chịu ít ảnh hưởng và vẫn trụ vững do ít phải phụ thuộc vốn vay và được các lãnh đạo có kinh nghiệm dẫn dắt, tức là 80% DNNVV đang khó khăn.¹

Ngoài những khó khăn chung như thiếu vốn, mặt bằng sản xuất, công nghệ, năng lực cạnh tranh yếu,... trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và quốc tế đang suy giảm, những khó khăn vốn có nổi trên trở nên trầm trọng hơn. Cụ thể:

- Về khả năng tiếp cận thị trường: cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm tiêu dùng toàn cầu nói chung và trong nước nói riêng tiếp tục suy giảm. Quan hệ kinh tế quốc tế, đặc biệt là thương mại và đầu tư đang bị co hẹp lại. Thương mại thế giới bị sụt giảm mạnh (nhất là trong năm 2009, mức giảm lớn nhất trong 7 thập kỷ qua). Điều này khiến cho thị trường tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước vốn đã khó khăn lại càng khó khăn, đặc biệt đối với những doanh nghiệp xuất khẩu. Các đối tác lớn và truyền thống nhập khẩu hàng của nước ta đã hạn chế ký tiếp các đơn hàng. Nhiều mặt hàng xuất khẩu như thủy sản, cao su, cà phê, giày dép, điện tử máy tính và linh kiện đều giảm sút đơn hàng. Xuất hiện xu hướng bảo hộ mậu dịch, kể cả ở một số nước lớn, làm cho khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu nước ta gặp khó khăn lớn. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp không có khả năng dự báo biến động của thị trường, ít được tiếp cận với các thông tin về tình hình kinh tế và giá cả thị trường. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến khả năng duy trì và phát triển sản xuất của doanh nghiệp.

- Về tiếp cận đất đai: Trong bối cảnh thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu tan băng, việc tiếp cận đất đai làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn đang gặp nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp thường phải tự giải quyết vấn đề giải phóng mặt bằng, đôi khi không nhận được sự hỗ trợ đầy đủ của chính quyền địa phương, vướng mắc trong thủ tục hành chính về đất đai,... Các doanh nghiệp trong nước không được lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, và vì tiền thuê đất được tính trên cơ sở giá Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hàng năm (mà năm sau thường cao hơn năm trước) nên chi phí cho mặt bằng của doanh nghiệp trong nước luôn ở xu thế tăng lên hàng năm.

- Khả năng tiếp cận và sử dụng vốn: trong bối cảnh nền kinh tế phát triển bình thường, khó khăn về vốn của doanh nghiệp chủ yếu là ở khâu tiếp cận vốn. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế suy

thoái, khó khăn này bộc lộ ở cả hai mặt: huy động vốn và sử dụng vốn. Việc huy động vốn của doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn do các định chế tài chính tập trung nguồn lực tài chính để khắc phục khó khăn do tác động của suy thoái kinh tế hoặc thực hiện các biện pháp để bảo toàn vốn. Tuy nhiên, ngay cả khi doanh nghiệp có hoặc tiếp cận được với vốn thì chi phí vốn rất cao và cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc sử dụng vốn do thị trường bị thu hẹp, sản xuất kinh doanh bị đình trệ.

- Năng lực quản trị doanh nghiệp: những hạn chế về năng lực quản trị của doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các DNNVV, đã tồn tại từ trước lại càng bộc lộ rõ hơn trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế. Nhiều doanh nghiệp vẫn quen hoạt động trong môi trường được bảo hộ và ổn định, không chủ động tái cơ cấu, điều chỉnh nên đã gặp rất nhiều khó khăn trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế. Số lượng DNNVV có chủ doanh nghiệp, giám đốc giỏi, trình độ chuyên môn cao và năng lực quản lý tốt chưa nhiều. Nhiều chủ doanh nghiệp điều hành hoạt động cơ bản dựa vào kinh nghiệm nên thiếu tầm nhìn chiến lược, tính chủ động không có, "chạy theo" cơ hội kinh doanh ngắn hạn, nhất thời. Vì vậy, khi doanh nghiệp gặp tình hình bất lợi, thì khả năng quản lý thích ứng bị hạn chế; nguy cơ đình trệ sản xuất, dẫn đến phá sản là không nhỏ.

- Cùng với sự suy giảm kinh tế thế giới, việc thu hút và giải ngân nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gặp nhiều khó khăn. Các tập đoàn kinh tế đã và đang điều chỉnh chiến lược kinh doanh để đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Nhiều nhà đầu tư nước ngoài phải tạm thời thu hẹp phạm vi và đình hoãn một số dự án đầu tư không có khả năng thu xếp tín dụng. Do vậy, nhiều dự án FDI đã được phê duyệt có khả năng dẫn tiến độ, thu hẹp quy mô hoặc không thực hiện, làm tỷ lệ vốn FDI thực hiện so với vốn FDI đăng ký có xu hướng giảm. Đối với những nhà đầu tư tiềm năng, mặc dù Việt Nam vẫn là thị trường hấp dẫn nhìn tầm trung và dài hạn, nhưng sẽ cân nhắc kỹ hơn, mất nhiều thời gian hơn để quyết định đầu tư.

Ngoài ra, những khó khăn tiềm tàng của doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, như trình độ công nghệ thấp, tiếp thu và vận hành công nghệ thụ động, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế,... tiếp tục tác động xấu đến sự hoạt động của doanh nghiệp hiện nay.

3. Hỗ trợ của Chính phủ

Nhằm giúp cho các doanh nghiệp từng bước tháo gỡ khó khăn, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, Chính phủ đã có nhiều chính sách hỗ trợ.

Hỗ trợ thuế

Trong thời gian qua, doanh nghiệp phải đối mặt với khó khăn do lạm phát, chi phí đầu vào cao, lãi suất cao và tăng trưởng kinh tế chậm. Trong khi phải tập trung thực hiện nhiệm vụ kiềm chế chống lạm phát, giảm tổng cầu, Chính phủ đã sử dụng biện pháp giãn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) có mức độ để hỗ trợ cho doanh nghiệp. Việc giãn, giảm thuế TNDN có ý nghĩa gián tiếp hỗ trợ nguồn vốn giúp doanh nghiệp giảm bớt phần vốn vay ngân hàng với lãi suất cao. Năm 2009, Chính phủ đã thực hiện một số gói hỗ trợ kinh tế trong đó có việc giãn thuế TNDN. Tổng số thuế ước giãn cho cả đợt vào khoảng 10.000 tỷ đồng.

Tiếp tục chính sách trên, sang năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 12/2010/QĐ-TTg và tiếp đó là Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg về việc gia hạn nộp thuế TNDN của DNNVV nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Theo Quyết định 21/2011/QĐ-TTg, cho phép giãn thời hạn nộp thuế TNDN trong thời gian một năm. Tổng số thuế dự kiến được giãn lần này vào khoảng 7.000 tỷ đồng. Số đơn vị nằm trong diện được giãn thuế vào khoảng 200.000, chiếm hơn 60% các DNNVV đang hoạt động.

Đồng thời, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XIII (tháng 8/2011), đã thông qua Nghị quyết miễn giảm thuế TNDN và cá nhân: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2011 đối với DNNVV và các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến.

Hỗ trợ lãi suất

Để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2072/QĐ-TTg ngày 11/12/2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng trong năm 2010, thuộc 5 nhóm ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, khoa học và công nghệ, hoạt động thu mua và kinh doanh các mặt hàng nông sản, lâm sản, thủy sản, muối. Mức lãi suất hỗ trợ: 2%/năm, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng, kể từ ngày giải ngân. Việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2012.

Để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp vùng nông thôn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 497/QĐ-TTg ngày 17/04/2009 về hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc, vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng làm nhà ở nông thôn và Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 25/10/2010 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với

nông sản, thủy sản. Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư 65/2011/TT-BTC ngày 16/05/2011 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch sẽ được cho vay để mua máy móc, thiết bị sản xuất trong nước lên tới 100% giá trị hàng hóa. Khoản vay được hỗ trợ 100% lãi suất vay trong 2 năm đầu và từ năm thứ 3 trở đi được hỗ trợ 50% lãi suất. Các tổ chức, cá nhân có thể qua hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để mua máy móc, thiết bị sản xuất trong nước nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch. Đây được xem là bước hỗ trợ quan trọng để từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Các hỗ trợ khác

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về thuế, lãi suất, Nhà nước còn đưa ra một số chính sách hỗ trợ khác như phát triển công nghiệp phụ trợ, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, khoa học công nghệ... nhằm thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh:

- Thủ tướng đã ban hành Quyết định số 1914/QĐ-TTg ngày 19/10/2010 phê duyệt Đề án “Những giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”. Mục tiêu xuyên suốt của Đề án là nhằm hỗ trợ nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu cho các doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam trên thị trường thế giới...

- Quyết định 2204/QĐ-TTg ngày 12/06/2010 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011– 2015 nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của Việt Nam.

- Quyết định 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 về việc phê duyệt Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”.

- Để khắc phục phần nào khó khăn cho DNNVV về vốn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 03/2011/QĐ-TTg về Quy chế Bảo lãnh cho DNNVV vay vốn, giao Ngân hàng Phát triển Việt Nam hỗ trợ bảo lãnh DNNVV vay vốn ở các ngân hàng thương mại.

- Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 06/04/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Thông tư 84/2011/TT-BTC ngày 16/06/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số chính sách tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 18/01/2011 phê duyệt Đề án Phát triển Thông tin- Truyền thông nông thôn giai đoạn 2011-2020. Mục tiêu của đề án nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, mạng lưới công nghệ thông tin- truyền thông hiện đại, đồng bộ đến cấp cơ sở... Các doanh nghiệp được vay vốn ưu đãi từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông khu vực nông thôn.

- Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29/01/2010 phê duyệt Đề án nhằm mục tiêu đến năm 2015, mỗi tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm xây dựng được từ 3-5 doanh nghiệp và 2-3 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Giai đoạn 2016-2020 sẽ đẩy mạnh phát triển để đến năm 2020, mỗi tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm xây dựng 7-10 doanh nghiệp, 5-7 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Định hướng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thời gian tới

Trong thời kỳ tới, việc phát triển doanh nghiệp diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, đồng thời cũng có nhiều khó khăn, thách thức đan xen.

Nếu như năm 2010, trong Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2010-2011 của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), chỉ số xếp hạng cạnh tranh của Việt Nam đã tăng 16 bậc lên vị trí số 59, thì sang năm 2011 trong Báo cáo 2011-2012, Việt Nam đứng ở vị trí thứ 65, giảm 6 bậc. Những vấn đề gây quan ngại bao gồm: tình trạng lạm phát, tỷ lệ thâm hụt ngân sách cao, cơ sở hạ tầng không bắt kịp đòi hỏi của nền kinh tế, thủ tục hành chính, quyền sở hữu trí tuệ (xếp thứ 127) hay khả năng phòng chống tham nhũng... Một đánh giá khác từ Ngân hàng Thế giới cũng đáng lưu ý, Việt Nam xếp hạng 98 trong tổng số 183 nền kinh tế trong năm 2011 về tính thuận lợi của môi trường kinh doanh, thấp hơn so với hạng 90 của năm 2010². Việc xuống hạng của Việt Nam là do những điểm yếu trong hai chỉ số nộp thuế và xử lý doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, hoặc không còn hoạt động trong khi rất nhiều quốc gia khác đã tiến hành cải cách mạnh mẽ các quy định kinh doanh trong năm qua.

Trong môi trường kinh doanh đó, để các doanh nghiệp có điều kiện tiếp tục phát triển, nâng cao khả năng cạnh tranh, cần có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước, các cơ quan chức năng. Tuy nhiên, trong thực tế, quá trình triển khai chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ, thiếu cụ thể nên nhiều doanh nghiệp vẫn chưa nhận được sự trợ giúp thiết thực này của Nhà nước.

Công tác trợ giúp phát triển DNNVV còn là lĩnh vực ít kinh nghiệm đối với nhiều cơ quan liên quan. Hệ thống trợ giúp DNNVV mới hình thành bước đầu, chưa phát triển các loại dịch vụ phát triển kinh doanh. Nhiều chính sách còn ngoài tầm với của các DNNVV. Kết quả cuộc khảo sát trên 2.000 doanh nghiệp, do Hiệp hội Các nhà quản trị Việt Nam thực hiện năm 2010 cho thấy, có đến gần 80% doanh nghiệp không nắm được chính sách và chương trình hỗ trợ của Chính phủ. Doanh nghiệp không biết hỏi cơ quan nào, trong khi ngành chức năng cũng lúng túng khi xây dựng văn bản hướng dẫn. Theo một điều tra của VCCI năm 2011, chỉ 1/3 số DNNVV trên cả nước tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng. Mặc dù Chính phủ đã đưa ra những chính sách ưu đãi, nhưng số doanh nghiệp vay được vốn cũng mới chỉ chiếm khoảng 5-10% tổng số doanh nghiệp, do lãi suất ngân hàng vượt quá khả năng của họ, bên cạnh đó là quá trình xét duyệt cho vay còn chậm, thủ tục phức tạp. Với chính sách hỗ trợ vốn cho DNNVV thông qua việc thành lập quỹ bảo lãnh, đến nay trong 63 tỉnh, thành phố mới có 13 quỹ được thành lập nhưng chỉ có một số quỹ thực sự hoạt động và hiệu quả chưa cao vì nhiều lý do, như ngân sách địa phương hạn hẹp, không huy động được vốn...³

Trong thời gian tới, sự hỗ trợ từ phía Nhà nước thông qua một loạt các chính sách trợ giúp DNNVV cần được triển khai tích cực, nhằm phát huy hiệu quả tác động. Các giải pháp khung cần tiếp tục thực hiện như sau:

- Tiếp tục cải thiện khung pháp lý về gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp.
- Cải thiện các chính sách và thủ tục về đầu tư, ưu đãi đầu tư.
- Trợ giúp DNNVV tiếp cận vốn tín dụng.
- Áp dụng cơ chế quản lý thuế phù hợp với đối tượng doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.
- Trợ giúp DNNVV giải quyết khó khăn về mặt bằng sản xuất; đồng thời hỗ trợ khuyến khích các DNNVV có cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm di dời ra khỏi đô thị, khu dân cư.
- Hoàn thiện môi trường pháp lý và đổi mới cơ chế, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ; Hỗ trợ tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho DNNVV.
- Tạo điều kiện để các DNNVV tham gia hoạt động xúc tiến thương mại; khuyến khích DNNVV tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công.

- Triển khai hiệu quả chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV giai đoạn 2011-2015; đồng thời lồng ghép các giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV trong các chương trình, đề án nguồn nhân lực quốc gia

- Hỗ trợ phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

- Trợ giúp các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ

- Xây dựng các thể chế cơ bản phù hợp đặc thù riêng cho DNNVV

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thông tin trợ giúp DNNVV

Trong đó, trước mắt, cần khẩn trương triển khai ngay một số giải pháp cụ thể nhằm tháo gỡ các ách tắc hiện tại:

- Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn thi hành Luật Phá sản năm 2004, Luật Doanh nghiệp năm 2005 để tiến hành sửa đổi Luật, các văn bản dưới Luật nhằm đảm bảo việc rút lui khỏi thị trường của các doanh nghiệp được thuận lợi, hợp pháp, hợp lý, qua đó lành mạnh hóa môi trường kinh doanh. Trong đó có vấn đề mở rộng việc áp dụng thủ tục phá sản cho mọi đối tượng kinh doanh, không phân biệt cá nhân, hộ gia đình hay doanh nghiệp; cho phép chủ nợ có bảo đảm được quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, giảm bớt sự can thiệp của Nhà nước vào quá trình giải quyết phá sản, tăng cường tính chủ động, quyền tự định đoạt của các bên trong quá trình giải quyết phá sản; bổ sung hướng dẫn việc tạm ngừng, chấm dứt hoạt động của các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh...), thủ tục thanh lý dự án gắn với việc giải thể doanh nghiệp,....

- Ổn định thị trường tài chính, tiền tệ nhằm tạo nguồn vốn rẻ cho kinh doanh, đầu tư; hỗ trợ nhằm tăng cường tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp. Ngân hàng nhà nước cần tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp để ổn định thị trường tiền tệ, nhanh chóng tái cấu trúc hệ thống tài chính ngân hàng đảm bảo an toàn thanh toán cho các ngân hàng thương mại.

Thực hiện phân loại doanh nghiệp, phân loại dự án để có chính sách tín dụng thích hợp, ưu tiên có trọng điểm. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, định mức bắt buộc dư nợ tín dụng của ngân hàng cho các DNNVV; chính sách khuyến khích các ngân hàng thương mại tăng mức dư nợ tín dụng cho các DNNVV; ưu tiên nguồn vốn tín dụng đối với các lĩnh vực tập trung nhiều DNNVV như nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, xuất khẩu. Ngoài ra, chủ động xem xét thời điểm phù hợp để tiếp tục thực hiện chính sách cấp bù lãi suất nhằm hỗ trợ các

doanh nghiệp giải quyết khó khăn về vốn. Sớm hỗ trợ vốn để địa phương thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, kết hợp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam đẩy mạnh thực hiện bảo lãnh đối với các DNNVV để tiếp cận vốn vay như quy định tại Quyết định 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001, 115/2004/QĐ-TTg ngày 25/6/2004 và 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 ban hành Quy chế bảo lãnh cho DNNVV vay vốn tại ngân hàng thương mại.

- Quản lý giá cả đầu vào và xúc tiến thương mại mở rộng thị trường. Bộ Công thương, Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan cần tăng cường các biện pháp quản lý giá cả, minh bạch công khai giá cả các mặt hàng nhạy cảm đối với sản xuất kinh doanh như xăng dầu, điện,... theo dõi diễn biến của thị trường để có chính sách kịp thời không để ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong trường hợp cần tăng giá phù hợp với yêu cầu của thị trường, thì cần công bố lộ trình dài hạn, rõ ràng để doanh nghiệp chủ động thích ứng. Chính phủ cũng cần xem xét có chính sách để khu vực kinh tế tư nhân và doanh nghiệp FDI tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, điện, nhằm giảm bớt gánh nặng đối với khu vực DNNN và tránh được tình trạng độc quyền, gây thiệt hại cho người tiêu dùng và doanh nghiệp.

- Trong thời gian qua, hệ thống cơ quan đầu mối thực hiện chức năng trợ giúp phát triển DNNVV tại Trung ương và địa phương còn yếu và thiếu. Ở Trung ương, cơ quan đầu mối trợ giúp phát triển DNNVV chỉ mới tập trung vào công tác xây dựng

cơ chế, chính sách, giải pháp, mà chưa có đủ điều kiện để đẩy mạnh việc triển khai thực hiện chính sách, các chương trình trợ giúp DNNVV. Ở cấp địa phương, hệ thống các cơ quan đầu mối về trợ giúp phát triển DNNVV chưa hoàn thiện và còn yếu. Đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực phát triển DNNVV còn thiếu, năng lực hạn chế và phần lớn chưa được qua đào tạo, bồi dưỡng về công tác trợ giúp phát triển DNNVV. Chỉ có một số ít các địa phương (16 địa phương) thành lập đơn vị đầu mối trợ giúp phát triển DNNVV trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cấp tương đương. Trong khi đó, ở phần lớn các địa phương còn lại, chức năng này lại do đơn vị chuyên môn khác thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư kiêm nhiệm. Vì vậy, kết quả triển khai các hoạt động trợ giúp phát triển DNNVV tại nhiều địa phương còn hạn chế.

Do vậy, cần khẩn trương kiện toàn hệ thống cơ quan thực hiện hoạt động, chương trình hỗ trợ DNNVV từ trung ương tới các địa phương. Đối với những tỉnh có số doanh nghiệp đăng ký thành lập đạt trên 3000 doanh nghiệp, nhất thiết cần thành lập tổ chức riêng về hỗ trợ DNNVV. Bổ sung và đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ tổ chức thực hiện, đảm bảo đủ nguồn lực cần thiết cho hoạt động của tổ chức hỗ trợ DNNVV. Xây dựng và hoàn thiện các quy trình, thủ tục phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức liên quan tới hoạt động hỗ trợ DNNVV, hình thành mạng lưới đồng bộ và thống nhất trong trợ giúp doanh nghiệp. □

1. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 1/10/2011.

2. DNNVV cần được hỗ trợ, 14/07/2011, <http://dddn.com.vn/2011/07/14/092247763cat44/doanh-nghiep-nho-va-vua-can-duoc-ho-tro.htm>.

3. Báo cáo “Môi trường Kinh doanh 2012: Kinh doanh trong một thế giới minh bạch hơn” do Ngân hàng Thế giới (WB) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) công bố ngày 20/10/2011.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ ổn định sản xuất kinh doanh: Ba giải pháp cơ bản, 13/8/2011 <http://hanoimoi.com.vn/newsdetail/Kinh-te/520171/ba-giai-phap-co-ban.htm>

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 1/10/2011.

2. Báo cáo “Môi trường Kinh doanh 2012” do Ngân hàng Thế giới (WB) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) công bố ngày 20/10/2011.

3. Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2011-2012 của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), công bố tháng 9/2011

4. Tổng cục Thống kê, Công bố số liệu thống kê kinh tế xã hội năm 2011, Hợp báo ngày 29/12/2011.

5. Hỗ trợ DNNVV ổn định sản xuất kinh doanh: Ba giải pháp cơ bản, 13/8/2011, <http://hanoimoi.com.vn/newsdetail/Kinh-te/520171/ba-giai-phap-co-ban.htm>

6. DNNVV cần được hỗ trợ, 14/07/2011, <http://dddn.com.vn/2011/07/14/092247763cat44/doanh-nghiep-nho-va-vua-can-duoc-ho-tro.htm>

7. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan (Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp DNNVV; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 12/2010/QĐ-TTg, số 21/2011/QĐ-TTg, số 2072/QĐ-TTg, số 193/2001/QĐ-TTg, số 115/2004/QĐ-TTg, số 03/2011/QĐ-TTg; ...).